

Bản án số: 69/2024/HSST
Ngày 10 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Danh, ông Ngô Văn Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

Trương Văn L, sinh năm 1987 tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp Sa Tô, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Không; cha Trương Văn Mướt (đã chết), mẹ Ngô Thị Ba, sinh năm 1951; anh chị em có 06 người, bị cáo là người nhỏ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 25/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt chính ngày 04/6/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện An Phú.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Bùi Văn A, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp Bình Di, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Ông Võ Văn V, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp Bình Di, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khóm Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

4. Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 13/5/2024, Trương Văn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103 đến vườn xoài của ông Bùi Văn A thuộc ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú hái trộm 80 kg trái xoài keo vàng, để vào bao mang đến bán cho ông Lương Văn Đ. Khi L chuẩn bị cân bán thì bị ông A phát hiện. Quá trình điều tra, Trương Văn L khai ra 2 vụ trộm cắp tài sản khác. Cụ thể:

Khoảng tháng 4/2024 (không nhớ ngày), L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103 đi tìm lấy mật ong. Trên đường đi, L rẽ vào đường bê tông nội đồng thuộc ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, hái trộm khoảng 70kg xoài keo xanh của ông Võ Văn V, mang bán cho vừa xoài "Ngọc" của ông Nguyễn Văn P được 300.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 5/2024 (không nhớ ngày), L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103 đi tìm lấy mật ong, khi đến khu vực ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, L hái hái trộm khoảng 40kg xoài keo vàng của ông Trần Thanh T, chở đến bán cho vừa xoài "K" của bà Nguyễn Thị Thúy K được 230.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG.TTHS ngày 27/5/2024 và số 34/KL-HĐĐG.TTHS ngày 16/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

- 80 kg xoài keo vàng, mỗi trái từ 200gram đến 500gram, trị giá 80 kg x 9.000 đồng = 720.000 đồng (của bị hại Bùi Văn An).

- 70 kg xoài keo xanh, mỗi trái từ 200gram đến 500gram, trị giá 70 kg x 4.000 đồng = 280.000 đồng (của bị hại Võ Văn V); 40 kg xoài keo vàng, mỗi trái từ 200gram đến 500gram, trị giá 40 kg x 9.000 đồng = 360.000 đồng (của bị hại Trần Thanh T).

Ngày 30/5/2024, Trương Văn L bị khởi tố để điều tra.

Cáo trạng số: 56/CT-VKSAP-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Trương Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Lời khai của các bị hại Bùi Văn An, Võ Văn V, Trần Thanh T trong quá trình điều tra phù hợp nội dung vụ án. Ông An đã nhận lại tài sản; ông V và ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường. (BL 128 – 132; 134 – 139).

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị buộc bị cáo nộp lại số tiền 530.000 đồng do phạm tội mà có để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; giao lại xe mô tô biển số kiểm soát số 60M5-7103 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Bị cáo L không có ý kiến tranh luận. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra V; Viện kiểm sát, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103 mà bị cáo L sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là chưa đúng quy định.

Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Các bị hại và những người có quyền L1 nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ. Tại phiên tòa, bị cáo, Kiểm sát V không có ý kiến. Xét việc họ vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành

xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 291, 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại; những người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào các lời khai; các biên bản khám nghiệm hiện trường cùng ngày 22/5/2024; Kết luận định giá tài sản và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Khoảng tháng 4/2024, Trương Văn L hái trộm 70kg xoài keo xanh trị giá 280.000 đồng của ông Võ Văn V; khoảng đầu tháng 5/2024 hái trộm 40kg xoài keo vàng trị giá 360.000 đồng của ông Trần Thanh T và ngày 13/5/2024 hái trộm 80kg xoài keo vàng trị giá 720.000 đồng của ông Bùi Văn A. L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân. Mặc dù giá trị tài sản các lần bị cáo chiếm đoạt chưa đủ định lượng theo quy định để xử lý trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt 09 tháng tù ngày 04/6/2022; chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm của Bản án số 12/2022/HS-ST ngày 25/01/2022. Căn cứ Điều 70 Bộ luật Hình sự, trường hợp của bị cáo L được xem là có án tích.

Từ đó có cơ sở kết luận, hành vi của Trương Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ; nguyên nhân; động cơ, mục đích phạm tội và việc áp dụng hình phạt:

Xét thấy hành vi của bị cáo Trương Văn L là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là vì lười lao động, thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Mục đích bị cáo phạm tội là vì L1 ích vật chất, bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, ba lần thực hiện hành vi trộm cắp, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo có học lực thấp, đã đầu thú khai ra 2 lần thực hiện hành vi trước đó, nên được áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhận thấy bị cáo L đã có thời gian được cải tạo, giáo dục nhưng vẫn không sửa đổi. Từ đó cho thấy bị cáo chưa có ý chí phục thiện. Do đó cần thiết áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Các bị hại, người có quyền L1 nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không xem xét giải quyết. Số tiền bị cáo có được từ việc trộm cắp xoài của ông ông Võ Văn V và ông Trần Thanh T mang bán được xem là tiền do phạm tội mà có. Do đó buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng còn lại trong vụ án là xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103, nhãn hiệu LISHOHAKA, màu sơn Xanh, số khung VLKDCG012LK100866, số máy VLKZS150FMG2000100866, người đứng tên Giấy chứng nhận xe là Cao Thị Thơ. Bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo khai xe này bị cáo được người anh rể tên Lê Hoàng S cho mượn. Tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được với bà Cao Thị T2, ông Lê Hoàng S; đồng thời quá trình điều tra cũng không đưa những người này tham gia tố tụng, nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với tang vật này. Do đó thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giao xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103 cho Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo P chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 22/5/2024 (ngày hai mươi hai tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự,

Buộc bị cáo Trương Văn L nộp lại số tiền 530.000 (năm trăm ba mươi nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Giao xe mô tô biển kiểm soát 60M5-7103, nhãn hiệu LISHOHAKA, màu xanh, số khung VLKDCG012LK100866, số máy VLKZS150FMG2000100866 cho Cơ quan Điều tra Công an huyện An Phú tiếp tục điều tra làm rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp để xử lý theo quy định của pháp luật.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú với Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Bị cáo P chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo Trương Văn L có quyền kháng cáo của trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2024). Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (2);
- CC THADS huyện An Phú (1);
- Phòng HS Công an tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã Khánh Bình (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (5);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

